

Số: /QĐ-BNN-TCTL

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Cụm hồ chứa nước tỉnh Cao Bằng

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung và quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3314/QĐ-BNN-KH ngày 23/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cụm hồ chứa nước tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 5293/QĐ-BNN-TCTL ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường dự án Cụm hồ chứa nước tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng số 2034/UBND-KT ngày 08/8/2022 về việc ý kiến về nội dung dự án đầu tư, phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư đối với dự án Cụm hồ chứa nước tỉnh Cao Bằng;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 939/TTr-SNN ngày 20/5/2022 về việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Văn bản số 1704/SNN-CCTL ngày 15/8/2022 về việc thực hiện quản lý dự án Cụm hồ chứa nước tỉnh Cao Bằng, kèm theo Báo cáo thẩm tra số 35/HEC11-PKT ngày 20/5/2022 của Công ty tư vấn 11 - Chi nhánh Tổng công ty Tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch kèm theo Báo cáo thẩm định số 1278/BC-TCTL-XDCB ngày 16/8/2022 của Tổng cục Thủy lợi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cụm hồ chứa nước tỉnh Cao Bằng với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cụm hồ chứa nước tỉnh Cao Bằng.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ:

Cấp nước tưới ổn định cho 385 ha đất canh tác, tạo nguồn nước sinh hoạt cho 8.933 người, nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ, phòng chống cháy rừng và cải tạo môi trường sinh thái.

5. Quy mô đầu tư xây dựng

Xây dựng 03 hồ chứa nước Khuổi Dáng, Khuổi Khoang, Pắc Thặng với các thông số kỹ thuật chính như sau :

TT	Thông số cơ bản	Đơn vị	Hồ chứa		
			Khuổi Dáng	Khuổi Khoang	Pắc Thặng
1	Diện tích lưu vực	km ²	2,6	2,5	1,25
2	Cao trình MNDBT	m	+242,9	+360,60	+360,50
3	Cao trình MNLNTK (p = 1,0%)	m	+245,24	+363,62	+362,80
4	Cao trình MNLNKT (p = 0,2%)	m	+245,50	+364,20	+363,20
5	Cao trình MNC	m	+232,50	+351,00	+347,00
6	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	0,574	0,298	0,337
7	Dung tích chết	10 ⁶ m ³	0,048	0,046	0,026
8	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³	0,622	0,344	0,363
9	Chế độ điều tiết		Điều tiết năm		

5.1. Đập đất:

- Đập đất có kết cấu hai khối, gồm khối chống thấm thượng lưu (khối I) và khối hạ lưu (khối II); hệ số đầm chặt $K_d \geq 0,97$.

- Làm thiết bị thoát nước thân đập dạng hỗn hợp ống khói bằng cát lọc, dải tiêu nước nằm ngang bằng cát lọc, dầm lọc, kết hợp lắng trụ đá học và áp mái.

- Gia cố đỉnh đập bằng bê tông M250 đổ tại chỗ dày 0,20m; tường chắn sóng bằng BTCT M200 cao 0,8m. Mái thượng lưu được gia cố bằng BTCT M200, kích thước tấm (2,0x2,0x0,15)m; phía dưới có lớp dầm lọc dày 0,15m và

vải địa kỹ thuật. Mái hạ lưu trồng cỏ, làm hệ thống rãnh thoát nước bằng bê tông M200.

- Khoan phụt vữa xi măng chống thấm nền đập dọc theo tim tuyến đập trên phạm vi toàn bộ nền đá phong hóa thấm mất nước ($q > 0,051/\text{ph/m}$); chiều sâu khoan phụt (10,0 ÷ 18,0)m.

- Bố trí thiết bị quan trắc chuyển vị và quan trắc thấm.

Thông số kỹ thuật đập đất của 3 hồ như bảng sau:

TT	Thông số cơ bản	Đơn vị	Đập đất		
			Khuỗi Dáng	Khuỗi Khoang	Pắc Thặng
1	Hình thức kết cấu đập		Đập đất hai khối		
2	Cao trình đỉnh đập	m	+245,8	+364,5	+363,5
3	Cao trình đỉnh tường chắn sóng	m	+246,6	+365,3	+364,3
4	Chiều dài đỉnh đập	m	83	100,5	96,6
5	Chiều cao đập lớn nhất	m	20,4	23,1	26,1
6	Chiều rộng mặt đập	m	5,0	5,0	5,0
7	Cao trình cơ thượng lưu	m	+237,8	+354,5	+354
8	Cao trình cơ hạ lưu	m	+236,8	+354,5	+355,5; +347,5
9	Chiều rộng cơ thượng/hạ lưu	m	3,5	3,5	3,5
10	Hệ số mái thượng lưu		3,0; 3,5	3,0; 3,5	3,0; 3,5
11	Hệ số mái hạ lưu		2,5; 3,0	2,5; 3,0	2,5; 2,75; 3,0
12	Cao trình đỉnh đồng đá tiêu nước	m	+227,8	+344,5	+339,5

5.2. Trần xả lũ:

- Hình thức trần tự do, kết cấu bằng BTCT M250.

- Trên đỉnh trần bố trí cầu công tác để phục vụ quản lý vận hành với tải trọng thiết kế 0,65HL93, kết cấu bằng BTCT M250, bề rộng mặt cầu B = 5,0m, hai bên thành cầu bố trí lan can thép.

- Chống thấm nền trần hồ Khuỗi Khoang và Pắc Thặng bằng biện pháp khoan phụt vữa xi măng dọc theo tim ngưỡng trần.

- Làm cống qua kênh xả lũ hồ Khuỗi Dáng (tại vị trí kênh xả lũ giao cắt kênh Tây và đường dân sinh) theo hình thức cống hộp, gồm 2 khoang bxxh = (4x4,3)m, kết cấu cống bằng BTCT M200.

Thông số kỹ thuật trần xả lũ của 3 hồ như bảng sau:

TT	Thông số cơ bản	Đơn vị	Trần xả lũ		
			Khuỗi Dáng	Khuỗi Khoang	Pắc Thặng
1	Hình thức trần		Trần tự do + dốc nước + bể tiêu năng	Trần tự do + dốc nước + bể tiêu năng	Trần tự do + bậc nước + bể tiêu năng
2	Lưu lượng xả lũ TK (P = 1,0%)	m ³ /s	61	94,9	47,3

TT	Thông số cơ bản	Đơn vị	Tràn xả lũ		
			Khuỗi Dáng	Khuỗi Khoang	Pắc Thặng
3	Lưu lượng xả lũ KT (P = 0,2%)	m ³ /s	77,1	123,4	61,9
4	Chiều dài đoạn cửa vào	m	8,4	18	15
5	Chiều dài ngưỡng tràn	m	6	6	7
6	Chiều rộng tràn	m	12	12	9
7	Cao trình ngưỡng tràn	m	+242,9	+360,6	+360,5
8	Số khoang tràn		2	2	2

5.3. Công lấy nước:

Công chảy có áp, kết cấu chính bằng ống thép D500 bọc BTCT M250, đóng mở bằng van chặn hạ lưu.

Thông số kỹ thuật công lấy nước của 3 hồ như bảng sau:

TT	Thông số cơ bản	Đơn vị	Công lấy nước		
			Khuỗi Dáng	Khuỗi Khoang	Pắc Thặng
1	Hình thức công		Ống thép bọc BTCT, chảy có áp		
2	Đường kính công ống thép	mm	500	500	500
3	Lưu lượng thiết kế lấy nước	m ³ /s	0,387	0,111	0,126
4	Cao trình đáy công cửa vào	m	+231,6	+350	+346
5	Cao trình đáy công cửa ra	m	+231,18	+349,5	+344,81
6	Chiều dài công	m	101,1	106,25	138,25
7	Độ dốc công	%	0,44	0,5	0,9

5.4. Đường quản lý vận hành, dân sinh:

- Làm các tuyến đường quản lý cho các hồ với quy mô đường giao thông nông thôn cấp B, $B_{\text{nền}} = 5\text{m}$, $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$, kết cấu mặt đường bằng bê tông M250, dày 20cm. Tổng chiều dài các tuyến đường là 4,39 km (Khuỗi Dáng: 2,22 km; Khuỗi Khoang: 0,93 km; Pắc Thặng: 1,237 km).

- Đào, san gạt hoàn trả đường lâm nghiệp (hồ Pắc Thặng) dài 1,76 km với quy mô đường ô tô lâm nghiệp, cấp IV, bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 4,5\text{m}$.

5.5. Nhà quản lý:

- Xây dựng 3 nhà quản lý cho 03 hồ; nhà cấp 4, diện tích xây dựng mỗi nhà là 65 m².

5.6. Hệ thống điện:

- Xây dựng các tuyến đường điện hạ thế vào nhà quản lý công trình. Tổng chiều dài các tuyến $L = 2,414\text{ km}$ (Khuỗi Dáng: 1,076 km; Khuỗi Khoang: 0,733 km; Pắc Thặng: 0,605 km).

5.7. Hệ thống kênh, đường ống cấp nước

- Nâng cấp, làm mới hệ thống cấp nước cho các hồ theo hình thức kênh dẫn (hồ Khuỗi Dáng) hoặc kênh và đường ống (hồ Khuỗi Khoang, Pắc Thặng).

Kênh kết cấu bằng BTCT M200, bản đáy và thành kênh dày 10cm. Tuyến đường ống sử dụng vật liệu chính bằng ống HDPE, đường kính ống từ D90 đến D450; riêng các đoạn qua tràn xả lũ sử dụng ống thép đúc DN300 và DN500 dày 10,31mm.

- Bố trí các công trình trên tuyến: công qua đường, cầu máng, công lấy nước, cửa điều tiết, tràn bên, công tiêu, các hồ van...

TT	Thông số cơ bản	Đơn vị	Hồ chứa		
			Khuỗi Dáng	Khuỗi Khoang	Pắc Thặng
1	Kênh				
	Chiều dài	m	3.259	2.799	2.477
2	Đường ống				
	Chiều dài	m		3.337	3.939
	Đường kính (D)	mm		90÷500	90÷300

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng An Thịnh.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Hòa An và huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

8. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Cấp công trình: Công trình cấp II.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

9.1. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước.

- Thiết kế cơ sở.
- Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán.

9.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- TCVN 12845:2020 - Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

- QCVN 04-05:2012/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- TCVN 8477:2018 - Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 8478:2018 - Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 12571:2018 - Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung công tác khảo sát, tính toán thủy văn trong giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 9845:2013 - Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ;

- QP TL C6-77 - Quy phạm tính toán đặc trưng thủy văn thiết kế;

- TCVN 10778:2015 - Hồ chứa - Xác định các mực nước đặc trưng;
- TCVN 4253:2012 - Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 8645:2019 - Công trình thủy lợi - Thiết kế, thi công và nghiệm thu khoan phụt vữa xi măng vào nền đá;
- TCVN 8216:2018- Công trình thủy lợi - Thiết kế đập đất đầm nén;
- TCVN 8215:2019 - Công trình thủy lợi - Thiết bị quan trắc;
- TCVN 8422:2010 - Công trình thủy lợi - Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công;
- TCVN 9143:2012 - Công trình thủy lợi - Tính toán đường viền thấm dưới đất của đập trên nền không phải là đá;
- TCVN 8479:2010 - Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật khảo sát môi, một số ẩn họa và xử lý môi gây hại;
- TCVN 9145:2012-Công trình thủy lợi-Quy trình tính toán đường ống dẫn bằng thép;
- TCVN 9147:2012 - Công trình thủy lợi-Quy trình tính toán thủy lực đập tràn;
- TCVN 8420:2010 - Công trình thủy lợi - Tính toán thủy lực công trình xả kiểu hở và xói lòng dẫn bằng đá do dòng phun;
- TCVN 9151:2012 - Công trình thủy lợi - Quy trình tính toán thủy lực cống dưới sâu;
- TCVN 8636:2011 - Công trình thủy lợi - Đường ống áp lực bằng thép – Yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế, chế tạo và lắp đặt;
- TCVN 9160:2012 - Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thiết kế - Dẫn dòng trong xây dựng;
- TCVN 8297:2018- Công trình thủy lợi - Đập đất đầm nén – Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8218:2009 - Bê tông thủy công - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN10380:2014 - Thiết kế đường giao thông nông thôn;
- Các tiêu Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam liên quan khác.

10. Tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư được phê duyệt là: **261.000.000.000 đồng** (Hai trăm sáu mươi một tỷ đồng). Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	159.748.527.000 đ
- Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng:	29.930.981.000 đ
- Chi phí quản lý dự án:	3.308.770.000 đ
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	25.547.131.000 đ
- Chi phí khác:	5.616.098.000 đ
- Chi phí dự phòng:	36.848.493.000 đ

(Chi tiết xem tại Phụ lục kèm theo)

11. Tiến độ thực hiện dự án

- Chuẩn bị dự án: 2020 – 2022.
- Thực hiện dự án: 2022 – 2025.

12. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

14. Bồi thường giải phóng mặt bằng

- Diện tích đất sử dụng vĩnh viễn: 54,64 ha.
- Diện tích đất sử dụng tạm thời: 3,17 ha.

15. Lưu ý trong giai đoạn thiết kế BVTC

- Đối với công trình đầu mối:
 - + Khảo sát bổ sung địa hình, địa chất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; lựa chọn giải pháp tối ưu về kinh tế, kỹ thuật. Xem xét làm rõ một số lưu ý về kỹ thuật theo báo cáo của đơn vị tư vấn thẩm tra.
 - + Bổ sung giải pháp xử lý khe tập trung nước hạ lưu đập Khuổi Khoang, không để dòng chảy gây ảnh hưởng đến an toàn của đập.
 - + Thiết kế kiến trúc cho công trình đầu mối, bảo đảm mỹ thuật, phù hợp với cảnh quan chung.
 - + Lập chỉ dẫn kỹ thuật cho công trình cần quy định chi tiết về tận dụng đất đào móng công trình để đắp cho khối hạ lưu (khối II) đập đất.
- Đối với hệ thống kênh:
 - + Khảo sát đánh giá kỹ về hiện trạng các công trình: đập dâng, hệ thống kênh hiện có để có giải pháp xử lý phù hợp.
 - + Khảo sát, nghiên cứu bố trí các tuyến dẫn nước (xây dựng mới), giải pháp (đường ống, kênh hở...), kết cấu kênh, đường ống phù hợp với địa hình, địa chất, bảo đảm kinh tế, kỹ thuật và tưới tự chảy cho diện tích phụ trách.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cấp quyết định đầu tư, Bộ giao nhiệm vụ:

- Tổng cục Thủy lợi là cơ quan chuyên môn về xây dựng, đơn vị đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

- Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ.

vụ được giao.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư theo quy định hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng:

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo thực hiện dự án; chỉ đạo, tổ chức thực hiện phần bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo tiến độ thực hiện Dự án.

- Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan tổ chức quản lý vận hành các công trình sau khi xây dựng hoàn thành, phát huy hiệu quả đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KH&ĐT;
- Bộ Tài chính (Vụ ĐT);
- UBND tỉnh Cao Bằng;
- Kho bạc NN tỉnh Cao Bằng;
- Sở NN&PTNT tỉnh Cao Bằng;
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TCTL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp